

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ M'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2020/DS-ST
Ngày 09 - 9 - 2020
“*V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Việt Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đình Đào, ông Lê Giang Nam

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Oanh – Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 9 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 218/2020/TLST–DS ngày 12 tháng 5 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2020/QĐXXST-DS, ngày 10 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2020/QĐST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Trung H1 - Sinh năm 1974 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

*** Bị đơn:** Ông Phan Doãn H2 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 1xx đường L, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Trần Thị Tý N (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 1xx đường L, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn Nguyễn Trung H1 trình bày:

Ngày 28/01/2019, ông Phan Doãn H2 có vay của ông Nguyễn Trung H1 số tiền là 40.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, mục đích vay để làm ăn, hện

ngày 28/3/2019 trả đủ số tiền trên. Khi nhận đủ số tiền vay ông H2 có đưa cho ông H1 một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản gốc số CE 425629 đối với thửa đất 422, tờ bản đồ số 10, diện tích 350 m² do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp cho ông Phan Doãn H2 và bà Trần Thị Tý N ngày 20/10/2016 để làm tin, hẹn sau khi trả đủ số tiền vay thì ông H1 trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H2. Ông H1 xác định toàn bộ chữ ký, chữ viết “Phan Doãn H2” trong giấy vay tiền mà ông đã cung cấp cho Tòa án là do ông Phan Doãn H2 trực tiếp viết và ký. Khi vay ông H2 có dẫn một người bạn gái đi cùng và xưng là vợ ông H2 rồi ký tên “Trần Thị Tý N” vào giấy vay. Sau khi đến nhà ông H2 đòi nợ thì ông H1 mới biết người đi cùng ông H2 và ký tên “Trần Thị Tý N” trong giấy vay không phải là vợ của ông H2 nên ông H1 không khởi kiện bà N. Từ thời điểm vay đến nay ông Phan Doãn H2 chưa trả cho ông H1 khoản tiền nào. Nay ông H1 đề nghị Tòa án buộc ông Phan Doãn H2 trả cho ông số tiền gốc là 40.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất.

Quá trình tố tụng bị đơn Phan Doãn H2 trình bày:

Lời trình bày của phía nguyên đơn là đúng. Ông H2 có quen biết với ông Nguyễn Trung H1. Ngày 28/01/2019 ông H2 vay của ông H1 số tiền là 40.000.000 đồng tiền gốc, hẹn ngày 28/3/2019 trả. Hai bên thỏa thuận lãi suất 9%/tháng, ông H2 trả trước 2 tháng tiền lãi, tức 7.200.000 đồng, số tiền ông H2 thực nhận của ông H1 là 32.800.000 đồng. Khi vay ông H2 có đưa cho ông H1 một bản gốc của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 425629 đối với thửa đất 422, tờ bản đồ số 10, diện tích 350 m² do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp cho ông Phan Doãn H2 và bà Trần Thị Tý N. Đến thời hạn trả thì ông H2 không trả được cho ông H1 nên hàng tháng đóng lãi cho ông H1 cho đến khi dịch bệnh Covid-19 xảy ra ông H2 không có việc làm nên không trả lãi cho ông H1 nữa. Tuy nhiên, khi trả lãi hai bên không viết giấy tờ gì, không có tài liệu chứng cứ chứng minh, không có người làm chứng.

Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Tý N trình bày:

Bà N là vợ của ông H2, khi vay tiền của ông H1 thì ông H2 không nói với bà, không biết số tiền vay, mục đích vay. Chữ ký Trần Thị Tý N trong giấy vay ngày 28/01/2019 không phải do bà ký và viết. Vì vậy, bà N không có trách nhiệm trả nợ cho ông H1.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng, đồng thời phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, thu thập chứng cứ, xác định tư cách của những người tham gia tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các

Điều 70, Điều 71, Điều 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Phan Doãn H2 không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 463; Điều 466 và Điều 470 Bộ luật dân sự;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Trung H1. Buộc ông Phan Doãn H2 trả cho ông Nguyễn Trung H1 số tiền nợ gốc là 40.000.000đồng. Ông Phan Doãn H2 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn ông Nguyễn Trung H1 và bị đơn ông Phan Doãn H2 có địa chỉ tại số 1xx đường L, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn Phan Doãn H2 vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung vụ án: Ngày 28/01/2019 ông Phan Doãn H2 vay của ông Nguyễn Trung H1 số tiền 40.000.000 đồng, hẹn đến ngày 28/3/2019 trả. Ông H1 cho rằng hai bên không thỏa thuận lãi suất, ông H2 chưa trả cho ông khoản tiền nào. Tuy nhiên, ông H2 cho rằng hai bên thỏa thuận lãi suất 9%/tháng, đã trả trước 2 tháng tiền lãi, tức 7.200.000 đồng, số tiền ông H2 thực nhận của ông H1 là 32.800.000 đồng. Đến thời hạn trả thì ông H2 không trả được cho ông H1 nên hàng tháng đóng lãi cho ông H1 cho đến khi dịch bệnh COVID 19 xảy ra ông H2 không có việc làm nên không trả lãi cho ông H1 nữa. Tuy nhiên, khi trả lãi hai bên không viết giấy tờ gì, không có tài liệu chứng cứ chứng minh, không có người làm chứng và nguyên đơn cũng không thừa nhận. Vì vậy, không có căn cứ để chứng minh việc thỏa thuận về lãi suất và quá trình trả tiền lãi của ông H2.

Trong giấy vay ngày 28/01/2019 có chữ ký, chữ viết “Trần Thị Tý N”, tuy nhiên các đương sự đều thống nhất không phải do bà N ký và viết. Ông H1 cũng thừa nhận bà N không biết khoản vay trên, ông H1 không yêu cầu bà N trả nợ. Vì vậy, Hội đồng xét xử không buộc bà Trần Thị Tý N có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng ông Phan Doãn H2.

N vậy, có đủ căn cứ để xác định ông H1 cho ông H2 vay 40.000.000đ theo Giấy mượn tiền đề ngày 28/01/2019 là các bên đã xác lập “Hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự. Đến thời hạn trả nợ, nhưng bên vay không trả là vi phạm về nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên

đơn, buộc ông Phan Doãn H2 có nghĩa vụ trả cho ông H1 số tiền nợ gốc 40.000.000đ

Khi vay tiền, ông H2 có đưa cho ông H1 giữ 01 bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số CE 425629 đối với thửa đất 422, tờ bản đồ số 10, diện tích 350 m² do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp cho ông Phan Doãn H2 và bà Trần Thị Tý N ngày 20/10/2016. Tuy nhiên, hai bên không ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, không đăng ký giao dịch bảo đảm. Vì vậy, việc ông H2 giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông H1 không phải thế chấp, bảo lãnh tài sản của người sử dụng đất đối với số tiền vay mà chỉ để làm tin đối với ông H1. Vì vậy, ông H1 có nghĩa vụ trả lại 01 bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho ông H2, bà N là phù hợp.

Về án phí: Do yêu cầu của ông Nguyễn Trung H1 được chấp nhận nên ông Phan Doãn H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật

Ông Nguyễn Trung H1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; Điều 161; Điều 162; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng các Điều 357, Điều 368, Điều 463; Điều 466; Điều 470 Bộ luật Dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Trung H1.

Buộc ông Phan Doãn H2 phải trả cho ông Nguyễn Trung H1 số tiền 40.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Trung H1 có nghĩa vụ trả cho ông Phan Doãn H2, bà Trần Thị Tý N 01 bản gốc của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số CE 425629 đối với thửa đất 422, tờ bản đồ số 10, diện tích 350m² do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp cho ông Phan Doãn H2 và bà Trần Thị Tý N ngày 20/10/2016.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Ông Phan Doãn H2 phải chịu 2.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho nguyên đơn ông Nguyễn Trung H1 1.000.000 đồng tiền tạm ứng

án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0009927 ngày 12/5/2020 của Chi cục thi hành án huyện Cư M'gar.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trưởng hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Việt Tuấn